

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ KON TUM
TỈNH KON TUM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2024/DS-ST.
Ngày: 02/4/2024.
“*V/v tranh chấp tiền đặt cọc
Mua bán hàng hóa*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ KONTUM, TỈNH KONTUM**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hường.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trương Quang Ngọc và bà Chế Thị Mai

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Trần Thị Ngọc Thương - Thư ký Tòa án nhân dân
Thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum
tham gia phiên tòa:* Bà Lương Thị Lan Vi - Kiểm sát viên.

Ngày 02/4/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 31/2023/TLST- KDTM ngày 27 tháng 10 năm 2023, về việc “*Tranh chấp tiền đặt cọc mua bán hàng hóa*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2024/QĐST- KDTM ngày 26/02/2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ T.

Địa chỉ: Thị Tứ B, xã H, huyện Kh, tỉnh Hưng Yên.

Người đại diện hợp pháp: Bà Nguyễn Thị Nh, sinh năm 1973 – Giám đốc điều hành Công ty (Văn bản ủy quyền ngày 10/9/2023); *Địa chỉ:* Thôn 2, thị trấn S, huyện S, tỉnh Kon Tum. Có mặt.

Bị đơn: Công ty TNHH S.

Địa chỉ: Thôn Th, phường Ng thành phố K, tỉnh Kon Tum.

Người đại diện hợp pháp: Ông Đoàn Văn H – Chủ tịch Hội đồng thành viên kiêm Giám đốc. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 10/9/2023 của Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ T, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và lời khai tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Vào ngày 23/5/2018, Công ty TNHH S có nhận tiền cọc mua hạt nhựa của Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ T với số tiền 100.000.000 đồng (*Một*

trăm triệu đồng). Theo nội dung giấy nhận tiền cọc mua hạt nhựa, Công ty TNHH S sẽ phải trả lại cho Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ T số tiền đặt cọc khi hai bên kết thúc việc mua bán hạt nhựa. Tuy nhiên đến nay đã hơn 03 năm kể từ ngày kết thúc việc mua bán hạt nhựa, nhưng Công ty TNHH S không trả lại tiền nhận cọc theo thỏa thuận.

Nay Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ T yêu cầu Tòa án buộc Công ty TNHH S trả lại tiền nhận cọc mua bán hạt nhựa là 100.000.000 đồng (*Một trăm triệu đồng*).

Đối với bị đơn Công ty TNHH S: Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, các giấy triệu tập của Tòa án cho Công ty TNHH S nhưng Công ty TNHH S không tham gia tố tụng, không có ý kiến gì về việc khởi kiện của nguyên đơn. Đồng thời Tòa án cũng đã tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng Công ty TNHH S vẫn vắng mặt tại phiên tòa xét xử.

Tại phiên Toà đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Kon Tum phát biểu ý kiến:

* Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà và của những người tham gia tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên toà đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với những người tham gia tố tụng trong đó người đại diện của nguyên đơn đã chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật. Riêng bị đơn Công ty TNHH S đã được thông báo, triệu tập hợp lệ nhưng không chấp hành các quy định của pháp luật, không đến Toà làm việc, như vậy Công ty TNHH S đã từ bỏ quyền và nghĩa vụ cung cấp tài liệu, chứng cứ để chứng minh trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

* Về quan điểm giải quyết vụ án: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng Điều 328 Bộ luật dân sự; Khoản 1 Điều 2, Khoản 1 Điều 3, Điều 24 Luật thương mại.

Xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ T.

Buộc Công ty TNHH S phải trả cho Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ T số tiền nợ 100.000.000 đồng (*Một trăm triệu đồng*). Công ty TNHH S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, trên cơ sở tranh tụng tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về thủ tục tố tụng*: Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ T khởi kiện yêu cầu Công ty TNHH S phải trả số tiền nhận cọc từ việc mua bán hạt nhựa. Công ty TNHH S có trụ sở tại thôn Th, phường Ng, thành phố K, tỉnh Kon Tum. Theo quy định tại khoản 1 Điều 30, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Kon Tum.

Tòa án đã tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng cho bị đơn Công ty TNHH S nhưng Công ty TNHH S không đến tham gia tố tụng tại Tòa án. Tòa án đã triệu tập Công ty TNHH S tham gia phiên tòa sơ thẩm hợp lệ lần thứ hai, nhưng Công ty TNHH S vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc do trở ngại khách quan. Căn cứ vào khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn Công ty TNHH S.

[2]. *Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Hội đồng xét xử xét thấy*:

Ngày 23/5/2018, Công ty TNHH S có nhận tiền cọc mua hạt nhựa của Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ T với số tiền 100.000.000 đồng (*Một trăm triệu đồng*). Căn cứ vào nội dung giấy nhận tiền cọc mua hạt nhựa Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ T cung cấp cho Tòa án thể hiện: Công ty TNHH S (Bên B, bên bán hàng hóa) sẽ phải trả lại cho Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ T (Bên A, bên mua hàng hóa) số tiền đặt cọc khi hai bên kết thúc việc mua bán hạt nhựa. Bởi vì sau mỗi chuyến hàng bên B giao, bên A sẽ thanh toán đầy đủ tiền hàng và không trừ vào khoản tiền cọc bên B đã nhận. Công ty TNHH S đã nhận của Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ T số tiền cọc mua hạt nhựa là 100.000.000 đồng (*Một trăm triệu đồng*) và ký nhận tại Giấy nhận tiền cọc mua hạt nhựa vào ngày 23/5/2028. Công ty TNHH S và Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ T đã kết thúc việc mua bán hạt nhựa, nhưng Công ty TNHH S vẫn không trả lại tiền nhận cọc cho nguyên đơn và không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Từ những nhận định trên, xét thấy Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ T yêu cầu tòa án buộc Công ty TNHH S trả lại tiền nhận cọc mua bán hạt nhựa là 100.000.000 đồng (*Một trăm triệu đồng*) là có căn cứ, cần chấp nhận.

[3]. *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận toàn bộ, nên bị đơn Công ty TNHH S phải chịu án phí sơ thẩm là 5.000.000 đồng. (100.000.000 đồng x 5%). Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 144, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228, Điều 271,

Điều 272, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 328 Bộ luật dân sự; Khoản 1 Điều 2, Khoản 1 Điều 3, Điều 24 Luật thương mại; Điều 6, điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ T.

- Buộc Công ty TNHH S phải trả cho Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ T số tiền nhận cọc 100.000.000 đồng (*Một trăm triệu đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc Công ty TNHH S phải chịu 5.000.000 đồng (*Năm triệu đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ T 2.500.000 đồng (*Hai triệu năm trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0000541 ngày 27/10/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Kon Tum.

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (*ngày 02 tháng 4 năm 2024*) nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Đối với bị đơn vắng mặt, thời hạn kháng cáo là 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND TP,
- Thi hành án dân sự TP;
- Nguyên đơn;
- Bị đơn;
- Lưu hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hương

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND TP,
- Thi hành án dân sự TP;
- Nguyên đơn;
- Bị đơn;
- Lưu hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**